



VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LẠC



VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LẠC

TS. Trần Danh Sửu (Chủ biên), TS. Nguyễn Thị Chinh,
ThS. Phạm Thị Xuân, ThS. Trần Thị Ánh Nguyệt



Hà Nội, 2017





LỜI NÓI ĐẦU

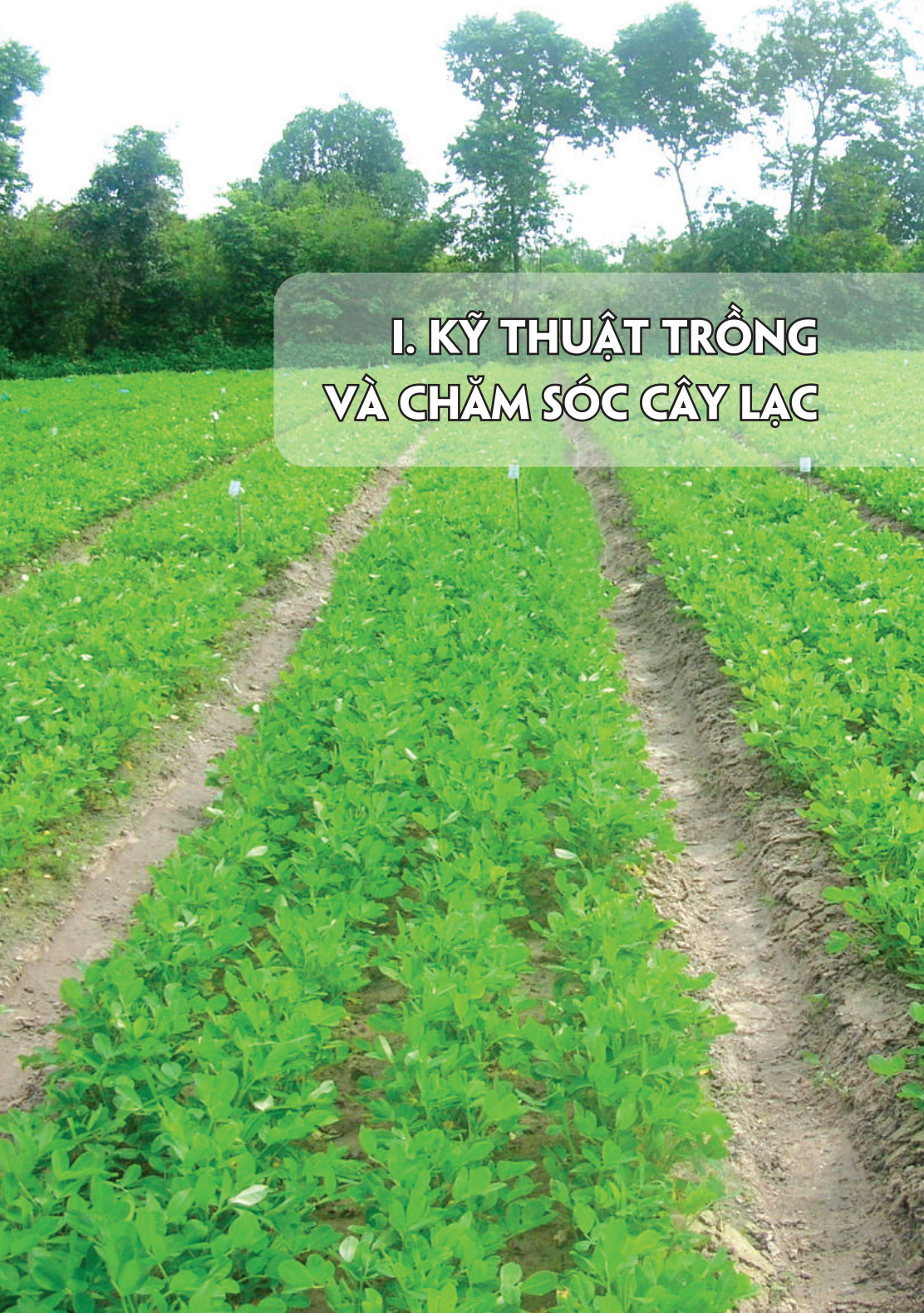
Lạc hay đậu phộng, đậu phụng (*Arachis hypogaea* L.) là loài cây thực phẩm thuộc họ đậu (Fabaceae) có nguồn gốc từ Trung và Nam Mỹ. Cây lạc được trồng ở Việt Nam từ lâu và là cây lấy dầu đứng thứ nhất về diện tích, sản lượng và xuất khẩu; hàng năm đóng góp khá lớn vào tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản của nước ta. Những năm gần đây năng suất lạc đã được cải thiện đáng kể, nhiều giống lạc có năng suất cao được đưa vào sản xuất, cùng với nhiều biện pháp kỹ thuật được áp dụng như bón phân, tưới nước, đảm bảo mật độ trồng, phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

Cuốn sách **“Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lạc”** được xuất bản nhằm giúp cho độc giả, cán bộ kỹ thuật và bà con nông dân nắm được các kỹ thuật trồng, chăm sóc; kỹ thuật xen canh và quản lý sâu bệnh hại nhằm tăng hiệu quả sản xuất cây lạc.

Mặc dù nhóm tác giả đã cố gắng hết sức trong quá trình tổng hợp và biên soạn tài liệu nhưng không thể tránh khỏi các thiếu sót. Nhóm tác giả rất mong nhận được các góp ý của độc giả để nội dung cuốn sách ngày càng hoàn thiện và trở thành tài liệu hữu ích cho sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Nhóm tác giả





I. KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LẠC

1.1. CHỌN ĐẤT VÀ CHUẨN BỊ ĐẤT

a) Chọn đất

Đất có thành phần cơ giới thích hợp để trồng lạc là cát pha, thịt nhẹ, đất cát ven biển chủ động tưới và tiêu nước.

b) Chuẩn bị đất

Vệ sinh đồng ruộng bằng cách đốt tàn dư cây bệnh, dọn sạch cỏ dại để ngăn chặn bùng phát dịch bệnh, giảm thiểu nguồn bệnh lây nhiễm ban đầu vì phần lớn các tác nhân gây bệnh đều có khả năng tồn tại trong đất và tàn dư cây bệnh sau thu hoạch.

Yêu cầu cày sâu 20 - 25 cm, bừa nhỏ làm cho đất tơi xốp, nhặt sạch cỏ dại trước khi lên luống, rạch hàng.

Bón vôi vào đất trước khi gieo có tác dụng làm giảm sự xâm nhiễm của nấm bệnh gây chết cây con.

Lên luống, rạch hàng:

- Đất ruộng dễ bị ngập úng: Chia luống rộng 75 - 80 cm cả rãnh, luống cao 20 - 25 cm, đảm bảo mặt luống rộng 45 - 50 cm, gieo 2 hàng dọc theo chiều dài luống, cách mép rãnh 10 - 15 cm.
- Đất ruộng thoát nước tốt: Chia luống rộng 1,3 m (gồm cả rãnh 30 cm), luống cao 10 - 15 cm, rạch 4 hàng dọc theo chiều dài luống, hai hàng rìa cách mép rãnh 10 - 15 cm.



Hình 1. Vệ sinh đồng ruộng, bừa nhỏ làm đất tơi xốp



Hình 2. Lên luống (a) và rạch hàng (b)

- Vùng đất bằng phẳng, không chủ động tưới nước có thể lên luống (bằng) rộng 2 - 3 m, gieo theo hàng ngang (trong trường hợp rạch hàng bằng cuốc) hoặc gieo theo hàng dọc (trong trường hợp rạch hàng bằng trâu, bò hoặc máy gieo hạt). Ở một số nơi, người dân chằng dây rạch hàng dọc bằng cuốc. Khoảng cách giữa các hàng cách nhau 25 cm.
- Đất đồi gò: Lên luống, rạch hàng theo đường đồng mức, kích thước luống tùy thuộc độ dốc sao cho hợp lý.

1.2. THỜI VỤ

a) Vụ Xuân

Vùng đồng bằng, trung du Bắc bộ: Gieo từ tháng 2 đến 10/3.

Vùng Khu Bốn cũ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh): Gieo cuối tháng 1 đến hết tháng 2.

Các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế: Gieo trong tháng 1.

b) Vụ Hè Thu

Vùng đồng bằng, trung du Bắc bộ: Gieo trong tháng 7 - 8.

Vùng Khu Bốn cũ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh): Gieo trong tháng 6.

Các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế: Gieo trong tháng 5 - 6.

c) Vụ Thu Đông

Vùng đồng bằng, trung du Bắc bộ: Gieo cuối tháng 8 - 9.

Vùng Khu Bốn cũ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh): Gieo 15/8 - 15/9.

Các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế: Gieo 15/7 - 15/8.

1.3. MẬT ĐỘ GIEO

a) Lượng giống cần cho 1 ha

Tùy thuộc vào tỷ lệ nảy mầm, mùa vụ gieo, phương pháp gieo (có che phủ nilon hay không) và giống lạc mà cần lượng giống khác nhau. Nếu hạt có tỷ lệ nảy mầm đạt trên 85% và giống lấy từ lạc vụ Xuân thì lượng hạt giống là 220 - 250 kg/ha; còn nếu giống lấy từ vụ Hè Thu hoặc Thu Đông là thì lượng giống là 170 kg - 200 kg.

b) Mật độ, khoảng cách

Mật độ trung bình từ 33 - 35 cây/m², hàng cách hàng: 25 - 28 cm, cây cách cây 10 - 12 cm nếu gieo 1 hạt/hốc; nếu gieo 2 hạt/hốc thì cây cách cây 18 - 20 cm.

1.4. CÁCH GIEO

Gieo theo hàng, gieo hạt ở độ sâu 3 - 4 cm. Sau khi gieo lấp lớp đất mỏng lên hạt.

- Đất ruộng dễ bị ngập úng: Gieo 2 hàng dọc theo chiều dài luống, hàng cách hàng 22 - 25 cm, hốc cách hốc 17 - 18 cm, gieo 2 hạt/hốc hoặc gieo 1 hạt/hốc với khoảng cách hốc 8 - 10 cm.



Hình 3. Gieo lạc: a) không che phủ nilon; b) che phủ nilon

- Đất ruộng thoát nước tốt: 4 hàng dọc theo chiều dài luống, hàng cách hàng 20 cm, hốc cách hốc 18 - 20 cm gieo 2 hạt/hốc hoặc gieo một hạt/hốc với khoảng cách hốc 10 - 12 cm.
- Vùng đất bằng phẳng, không chủ động tưới nước: Khoảng cách giữa các hàng 25 cm, hốc cách hốc 10 cm, gieo 1 hạt/hốc.
- Đất đồi gò: Hàng cách hàng 25 - 30 cm và cây cách cây 8 - 10 cm.

1.5. BÓN PHÂN

a) Lượng phân bón cho 1 ha

Phân chuồng hoai mục: 10 - 15 tấn, trong trường hợp khan hiếm phân chuồng thì dùng phân hữu cơ vi sinh Sông Gianh thay thế với liều lượng 1,5 - 2 tấn/ha; vôi bột: 500 - 600 kg; đạm urê 46% N: 80 - 100 kg, kali clorua 60% K_2O : 120 - 150 kg, lân supe 18% P_2O_5 : 500 - 700 kg.



Lưu ý:

Liều lượng phân bón có thể điều chỉnh cho phù hợp với đồng đất của địa phương. Trong trường hợp đất có độ phì khá, sử dụng giống lạc địa phương thì dùng mức thấp nhất. Đất xấu, sử dụng giống mới bón lượng tối đa theo khuyến cáo.

Nếu sử dụng phân NPK tổng hợp thay thế phân đơn có thể bón với lượng 1.000 - 1.500 kg NPK (3-9-6) tùy từng chân đất và điều kiện mùa vụ.

b) Cách bón phân

Bón lót toàn bộ lượng phân chuồng hoặc phân hữu cơ vi sinh Sông Gianh, lân và $\frac{1}{2}$ lượng vôi bột trước khi bừa đất lần cuối.

Trong điều kiện có che phủ nilon: Đạm và Kali trộn đều bón trước khi lên luống, rạch hàng. $\frac{1}{2}$ lượng vôi bột còn lại bón sát gốc lúc lạc đâm tia. Lưu ý, nếu đất chua, hoạt động cố định đạm của vi khuẩn nốt sần kém thì bón lượng vôi nhiều hơn và chia ra làm nhiều lần bón.

Trong điều kiện không che phủ nilon: $\frac{1}{2}$ lượng đạm và kali trộn đều bón trước khi lên luống, rạch hàng. Bón thúc $\frac{1}{2}$ lượng đạm và kali còn lại vào thời điểm xới xáo trước ra hoa. Lưu ý, không bón phân đạm và kali sát gốc. $\frac{1}{2}$ lượng vôi bột còn lại bón vào lúc lạc đâm tia, kết hợp vun cao gốc.

1.6. CHĂM SÓC

a) Xới xáo (dùng cho lạc trồng không che phủ nilon)

Xới lần 1 (phá váng): Khi cây có 2 - 3 lá thật (sau mọc 10 - 12 ngày).

Xới cỏ lần 2: Khi cây có 6 - 7 lá thật (trước khi ra hoa). Bón thúc đạm

và kali lần 2, sau đó xới sâu 5 - 6 cm vừa có tác dụng vùi phân vừa có tác dụng làm đất tơi xốp. Lưu ý, không vun gốc.

Xới cỏ lần 3 kết hợp vun gốc sau khi hoa rộ 7 - 10 ngày, kết hợp bón vôi.

Lưu ý: Trồng lạc theo kỹ thuật che phủ nilon không cần xới xáo, làm cỏ nhưng cũng chú ý vét cỏ rãnh nếu có.

b) Tưới nước (Áp dụng cho cả che phủ nilon và không)

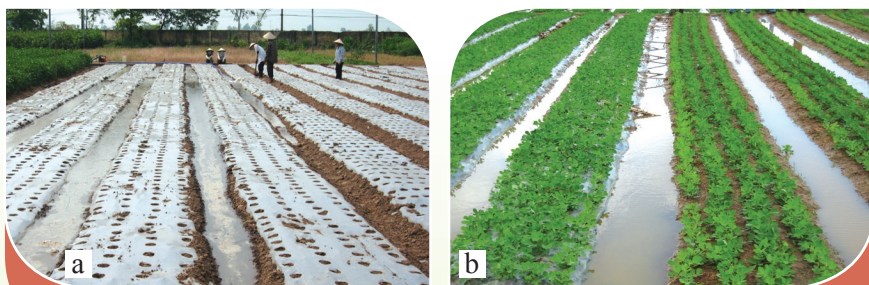
Thời điểm gieo hạt, đất cần đủ ẩm để lạc mọc nhanh và đều, nên căn cứ vào độ ẩm đất để quyết định điều tiết nước.

20 ngày đầu sau mọc, độ ẩm đồng ruộng chỉ cần 60 - 65% để giúp lạc phát triển bộ rễ tốt hơn.

Sau mọc 20 - 30 ngày thường xuyên giữ ẩm đất ở 70 - 75% độ ẩm đồng ruộng.

Đặc biệt lưu ý, 2 giai đoạn cây lạc cần đủ nước là khi cây ra hoa (cây có 6 - 7 lá) và thời kỳ làm quả, hạt (sau hoa rộ 30 ngày).

Tưới ngập 2/3 rãnh, để nước ngấm đều rồi tháo cạn.



Hình 4. Tưới nước vào rãnh sau khi gieo (a) và trước khi ra hoa (b)



1.7. PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH HẠI CHÍNH

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và khuyến khích áp dụng các biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (sử dụng giống kháng bệnh, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, kỹ thuật làm đất, bón phân, luân xen canh cây trồng hợp lý, vệ sinh đồng ruộng ...)

a) Sâu chính hại lạc

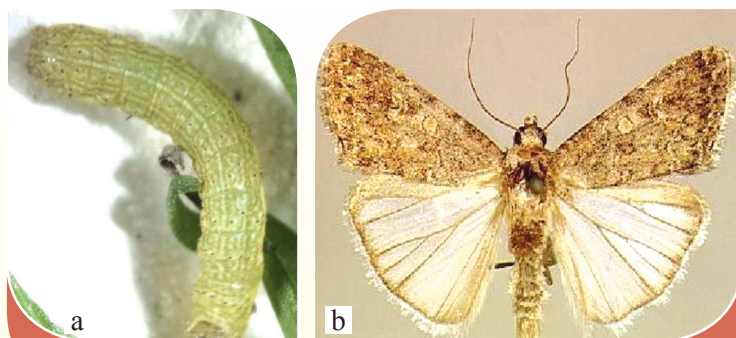
Sâu xám: Sâu thường xuất hiện vào giai đoạn cây con và gây hại trầm trọng nhất ở những vùng đất nhẹ, đất cát nơi sâu non có thể vùi mình dễ dàng. Sâu non có tính giả chết, khi bị đụng vào chúng cuộn lại, lăn ra giả chết. Sâu đầy sức hoá nhộng trong đất. Chúng phát sinh ở thời tiết lạnh, ẩm độ cao.

Biện pháp phòng trừ:

- Cày ải phơi đất 2 tuần trước khi trồng để diệt trứng và nhộng hoặc cho nước ngập vào ruộng, ngâm khoảng 1 ngày đêm sau đó tháo cạn, để ráo ruộng trước khi gieo trồng.
- Mật độ sâu thấp có thể bắt sâu bằng tay vào buổi sáng sớm hay chiều tối bằng cách bới đất quanh gốc cây bị sâu cắn để bắt sâu.
- Dùng bẫy bả chua ngọt để bẫy bướm.

- Khi mật độ sâu cao, sử dụng một số loại thuốc hóa học đặc hiệu như: Padan 95SP; Regent 800WP... Có thể dùng thuốc đơn: Basudin 50EC; Shecpain 36EC; Gottoc 250EC hoặc phối hợp hai loại thuốc khác nhau: Diptere 80WP + Karate 2,5EC; Sevin 40% + Sherpa 25EC; Ganoi 95SP + Abamectin 36EC, Regent 800WG + Sokupi 0,36AS... Phun vào chiều tối, nên cho thêm 10 ml chất bám dính hoặc 20 - 30 ml dầu khoáng hoặc 5 giọt nước rửa chén vào mỗi bình 8 - 12 lít để tăng khả năng bám thuốc vào cơ thể sâu, sâu chết nhanh, nhiều hơn. Dùng luân phiên các thuốc có hoạt chất Emeactin, Lamda-Cypermethrin với hỗn hợp Chlorantraniliprole + Abamectin.

Sâu xanh da láng: Sâu thường gây hại mạnh vào các tháng ít mưa hoặc ruộng khô hạn. Sâu có đặc tính kháng thuốc nên rất khó phòng trị bằng thuốc hoá học. Khi cắn phá mạnh, sâu có thể cắn thủng lá làm lá bị gục héo.



Hình 5. Sâu xanh da láng a) ấu trùng; b) sâu trưởng thành

Biện pháp phòng trừ:

- Bảo vệ các loài thiên địch của sâu hại như ong, ruồi ký sinh bằng cách hạn chế sử dụng thuốc hoá học hoặc chỉ dùng khi mật độ sâu quá cao.

- Sử dụng các chế phẩm nấm (như nấm lục cương, nấm bạch cương); Chế vi khuẩn BT để phun vào các buổi chiều mát.
- Phun thuốc hóa học vào lúc sáng sớm hoặc chiều tối. Khi điều tra sâu thấy sâu non mới nở hoặc còn nhỏ sống tập trung là thời điểm phun thuốc tốt nhất. Khi đã lớn, sâu xanh da láng có tính kháng thuốc mạnh, vì vậy cần sử dụng luân phiên các loại thuốc, cụ thể: dùng luân phiên các loại: Atabron 5EC; Cascade 5EC + Mimic 20F; Dipel 3.2WP + Cascade 5EC; Mimic 20F + SeNPV; Dipel 3.2 WP + SeNPV.



Hình 6. Sâu hại lạc: a) sâu khoang; b) sâu xanh; c) sâu cuốn lá (trưởng thành)

Sâu khoang (sâu ăn tạp): Sâu non tuổi nhỏ thường gây hại nghiêm trọng nhất bởi vì hàng trăm con sâu non tập trung lại ăn lá cây và nhanh chóng làm lá cây xơ xác. Sâu non còn có thể gặm ăn vỏ quả làm giảm phẩm chất. Sâu cắn phá mạnh vào lúc sáng sớm, khi có ánh nắng sâu chui xuống dưới tán lá để ẩn nấp và chiều mát sâu bắt đầu hoạt động trở lại và phá hoại suốt đêm.

Biện pháp phòng trừ:

- Hạn chế phun thuốc để bảo tồn các loài thiên địch thường xuất hiện trên ruộng.
- Dùng bẫy bả chua ngọt để thu hút bướm khi chúng phát triển rộ. Dùng bẫy pheromone để dự báo trước sự đẻ trứng của sâu ăn tạp. Hàng ngày theo dõi dự báo sự phát triển của sâu qua

bầy pheromone, thường xuyên ngắt bỏ ổ trứng và diệt ấu trùng trên những ruộng dẫn dụ.

- Dùng các sản phẩm sinh học có nguồn gốc nấm, vi khuẩn khi có những dấu hiệu cắn phá lá đầu tiên, thuốc có nguồn gốc từ Bt như V-BT; Biocin 8000 SC, Dipel 32 WP có nguồn gốc NPV như Vicin- S... hoặc thuốc thảo mộc như Rotenone hoặc Neem. Thông thường 10 ngày sau phải phun thuốc lại.
- Sử dụng Atabron làm nền phối hợp với các loại thuốc còn lại hoặc với các loại thuốc Cúc tổng hợp sẽ cho hiệu quả phòng trị rất tốt. Dùng các loại thuốc ít độc như nhóm Abamectin (Abamectin; Tập kỳ 1.8 EC Abatin 1.8 EC; Silsau 3.6 EC...); thuốc gốc Cúc tổng hợp như Karate 2.5 EC, SecSaigon 5; các loại thuốc có hoạt chất Emamectin; Lufenuron hay hỗn hợp (Chlorantraniliprole + Abamectin)...

Ngoài ra còn có các loại sâu hại khác như sâu cuốn lá, sâu xám, sâu chích hút (bọ trĩ, rệp, rầy xanh).

Các loại thuốc phòng trừ: Có thể sử dụng thuốc trừ sâu sinh học NPV-Bt để phòng trừ sâu xanh, sâu khoang, sâu cuốn lá. Một số thuốc hoá học thông dụng như: Sumidicin, Alphan 5EC, Basudin, Supracide 40 NP, Owfatox ...

b) Bệnh chính hại lạc

Bệnh héo cây con: Bệnh chết rạp cây con thực chất là giai đoạn sớm của các bệnh thối đen cổ rễ, thối trắng thân, bệnh thối rễ và lở cổ rễ. Bệnh gây chết rạp cây con có ở hầu hết các vùng trồng lạc ở nước ta, đặc biệt là trên các chân đất chuyên màu. Bệnh chủ yếu lan truyền qua hạt và đất,



Hình 7. Bệnh héo cây con

có thể tấn công suốt giai đoạn sinh trưởng của cây, gây thiệt hại nặng cho cây con, thường xảy ra trong khu đất cũ đã phát bệnh và ẩm độ cao. Cây con: cổ thân bị úng và teo tóp lại, cây bị ngã ngang nhưng lá vẫn còn xanh tươi, sau đó mới héo lại. Bệnh thường tấn công mạnh vào 5 - 10 ngày sau khi gieo.

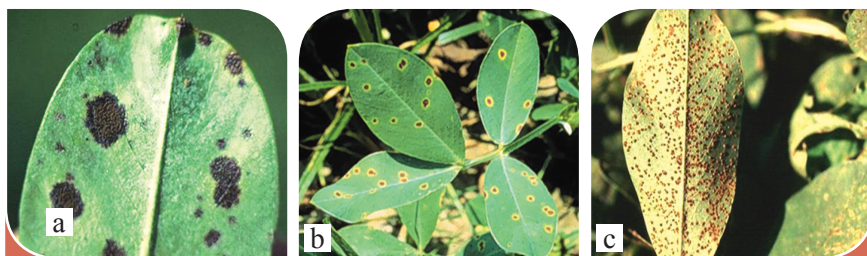
Biện pháp phòng trừ:

- Xử lý hạt bằng thuốc hoá học trước khi gieo như: Vicarben 50 WP, Rovral 750 WP, Thiram (liều lượng 3gam/1 kg hạt) hoặc dùng chế phẩm Trycoderma (trộn với phân chuồng/phân hữu cơ vi sinh bón vào đất trước khi gieo) sẽ mang lại hiệu quả phòng trừ cao.
- Phòng ngừa bằng các loại thuốc đặc hiệu như Amistar 250SC với các hoạt chất Hexaconazole, Difenoconazole... Sử dụng Validacin, Bonanza, thuốc có hoạt chất Azoxystrobin, Validamycin hay hỗn hợp các hoạt chất (Mandipropamid + Chlorothalonil)... phun 7 - 10 ngày/lần theo hướng dẫn của nhà sản xuất.



Bệnh hại lá: Trong số các bệnh hại lá, bệnh đốm nâu, đốm đen và bệnh gỉ sắt là các loại bệnh phổ biến nhất, có mặt và gây hại ở tất cả các vùng trồng lạc của nước ta. Các bệnh này, lây lan từ vụ này qua vụ khác, chủ yếu qua tàn dư cây bệnh. Điều kiện thuận lợi cho bệnh phát triển là mưa nhiều, độ ẩm không khí cao, thời tiết mát mẻ, nhiều sương vào ban đêm và sáng sớm vì vậy trong vụ Hè Thu và Thu Đông bệnh gây hại nặng hơn trong vụ Xuân.

Biện pháp phòng trừ: Dùng thuốc hoá học như Daconil; Anvil; Bayleton 0,1 - 0,3% hoặc zinhep 0,2%; phun lần 1 sau mọc 40 - 45 ngày, lần 2 cách lần một 15 - 20 ngày để ngăn ngừa bệnh hại lá làm rụng lá sớm.



Hình 8. Bệnh đốm đen (a), đốm nâu (b) và gỉ sắt (c)

Bệnh héo xanh vi khuẩn: Biểu hiện đầu tiên của bệnh nhìn thấy là những lá non ở phía trên bị héo tái (nhìn rõ nhất vào lúc trời nắng), sau đó toàn bộ cây bị héo rũ nhưng lá vẫn có màu xanh, cuối cùng cây trở nên khô héo. Nhiệt độ thích hợp cho bệnh héo xanh vi khuẩn phát triển ở nhiệt độ đất 28 - 33°C. Phương pháp xác định bệnh là nhổ cây bệnh, rửa sạch đất rễ chính, cắt ngang rễ và nhúng mặt cắt vào dung dịch nước trong suốt đựng trong cốc hoặc lọ thủy tinh, nhìn vào cốc sẽ thấy dịch vi khuẩn màu trắng sữa tiết ra nước thành dòng và làm đục nước.

Biện pháp phòng trừ: Cho đến nay, việc sử dụng thuốc hoá học để phòng trừ chưa đem lại hiệu quả. Vì vậy, trên những chân đất có

nguồn bệnh nặng, cần phải luân canh cây lạc với các cây trồng khác không cùng ký chủ của vi khuẩn héo xanh như lúa, ngô, mía. Vệ sinh đồng ruộng, vùng đất xung quanh cây bị bệnh, thu lượm cây bị bệnh, đốt hoặc đào hố sâu xử lý. Phương pháp phòng bệnh hiệu quả nhất là dùng giống kháng bệnh để trồng. Hiện nay, các giống kháng bệnh héo xanh vi khuẩn điển hình là MD7, MD9, TK10.

Bệnh mốc vàng là loại bệnh nguy hiểm gây hại đến sức khỏe con người khi sử dụng làm thực phẩm nên được tất cả các nước tiêu thụ lạc quan tâm. Nấm bệnh gây hại chủ yếu trên hạt và tiết ra độc tố Aflatoxin, nấm bệnh nhiễm vào hạt từ khi cây lạc còn trên đồng ruộng. Ở miền Bắc, hạt lạc nhiễm bệnh mốc vàng trong vụ Xuân nặng hơn trong vụ Thu và Thu Đông. Lạc trồng trên đất đồi gò không có tưới, mức độ bệnh phát sinh nhiều hơn trên đất bãi ven sông. Thời điểm thu hoạch cũng ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ bệnh. Lạc thu hoạch quá độ chín có tỷ lệ hạt bị nhiễm bệnh cao hơn lạc thu hoạch đúng độ chín.



Hình 9. Bệnh mốc vàng
hại hạt lạc

Biện pháp phòng trừ: Điều chỉnh thời vụ gieo trồng hợp lý để thu hoạch lạc vào thời điểm thuận lợi, nắng ráo; tránh gây tổn thương cho quả lạc trong quá trình chăm sóc, làm cỏ, vun xới, thu hoạch; tránh tổn thương cho cây do các loại sâu bệnh trong đất gây ra; bón thạch cao hoặc vôi cho lạc ở giai đoạn đâm tia. Trong thời gian phát triển quả hoặc quả vào chắt nếu gặp hạn cần tưới nước. Giữ đất đủ ẩm 1 tháng trước khi thu hoạch; khi lạc chín nên thu hoạch kịp thời và loại bỏ cây bị bệnh, quả bị chấn thương và bị thối; phơi ngay sau khi nhỏ (nếu không vớt kịp thì cắt thân cây cách gốc 15 - 20 cm, phơi

cả gốc). Phơi lặt đến độ ẩm $\leq 10\%$; bảo quản lặt trong điều kiện khô ráo, mát mẻ, đảm bảo vệ sinh và sạch sâu mọt.

1.8. THU HOẠCH VÀ BẢO QUẢN

a) Thu hoạch

Thu hoạch đúng độ chín, khi quả già đạt 80 - 85% tổng số quả/cây là tốt nhất. Chọn ngày nắng ráo để thu hoạch. Sau khi nhổ, lặt cần được tách quả và phơi ngay để giảm tỷ lệ bệnh hại quả đặc biệt là bệnh mốc vàng. Trong trường hợp chưa tách

quả được ngay thì chặt thân, để lại gốc dài khoảng 20 - 25 cm, phơi cả gốc. Trong quá trình phơi kiểm tra thủ công bằng cách bóc hạt, sau đó dùng 2 đầu ngón tay vê nhẹ hạt, thấy tróc vỏ lụa là được hoặc dùng máy đo xác định độ ẩm hạt.



Hình 10. Phơi khô lặt tự nhiên trên đồng ruộng

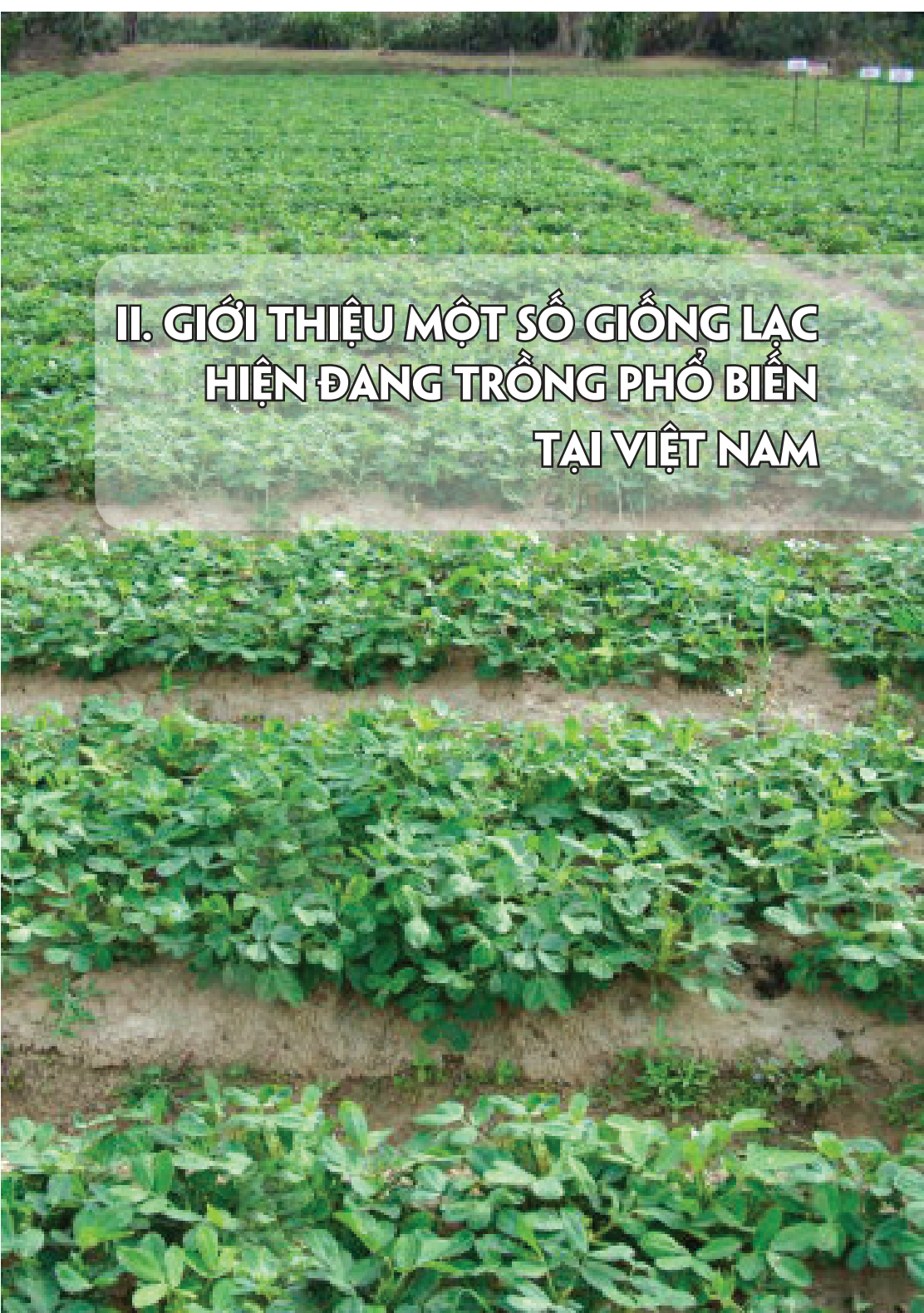
Lưu ý: không phơi lặt trực tiếp dưới ánh sáng mạnh và nhiệt độ cao. Lặt giống hay lặt thương phẩm sản xuất trong vụ Xuân nhất thiết phải được sấy hoặc phơi trên bạt, nong nia (không phơi trực tiếp trên sân gạch, xi măng).



b) Bảo quản

Sau khi phơi khô, quạt sạch; lạc được đựng vào bao tải 02 lớp (bao đã tráng ni lông) hoặc dùng bao tải dứa một lớp thì bên trong phải đựng vào bao ni lông. Bảo quản trong điều kiện thoáng mát, cao ráo. Thường xuyên kiểm tra sản phẩm (định kì 1 - 2 tháng) để kịp thời phát hiện sâu mọt, nấm mốc.





II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG LẠC HIỆN ĐANG TRỒNG PHỔ BIẾN TẠI VIỆT NAM

2.1. GIỐNG LẠC L14

Thời gian sinh trưởng (TGST): 120 - 125 ngày (vụ Xuân) và 95 - 100 ngày (vụ Thu Đông).

Dạng cây nửa đứng; lá hình elip thuôn, màu xanh đậm; vỏ quả thô, eo quả trung bình, mỏ quả cong, vỏ lụa màu trắng hồng; khối lượng 100 hạt: 58 - 60 g; tỷ lệ nhân 73 - 75%.

Năng suất trung bình 25 - 35 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 40 - 45 tạ/ha.

Khả năng thích ứng rộng. Kháng bệnh hại lá cao, kháng bệnh héo xanh vi khuẩn; chịu hạn trung bình. Không có tính ngủ nghỉ hạt tươi.



Hình 11. Giống lạc L14

2.2. GIỐNG LẠC L23

TGST: 125 - 130 ngày (vụ Xuân) và 100 - 105 ngày (vụ Thu Đông).

Thân đứng, góc phân cành hẹp; lá chét hình elip thuôn, màu xanh đậm; vỏ quả thô, eo quả trung bình, mỏ quả cong rõ, vỏ lụa màu hồng; khối lượng 100 hạt: 48,5 - 58,6 g; tỷ lệ nhân 68 - 72%.

Năng suất trung bình 30 - 35 tạ/ha. Thâm canh tốt có thể đạt > 50 tạ/ha. Giống thích hợp trên chân đất cát pha và thịt nhẹ.

Kháng bệnh hại lá cao, kháng bệnh héo xanh vi khuẩn; chịu hạn khá. Giống không có tính ngủ nghỉ hạt tươi.



Hình 12. Giống lạc L23

2.3. GIỐNG LẠC L26

TGST: 130 - 135 ngày (vụ Xuân) và 100 - 115 ngày (vụ Thu Đông).

Thân đứng, lá hình elip hẹp đứng, màu xanh đậm; vỏ quả thô, eo quả trung bình, mỏ quả cong, vỏ lụa màu trắng hồng; khối lượng 100 hạt 48,5 - 58,6 g; tỷ lệ nhân 72 - 74%.

Năng suất trung bình 30 - 40 tạ/ha. Thâm canh tốt có thể đạt >50 tạ/ha. Giống yêu cầu thâm canh cao. Thích hợp trên đất cát và cát pha vùng Bắc Trung bộ.

Kháng bệnh hại lá trung bình; không kháng bệnh chết cây con; giống không chịu hạn. Sức sống hạt giống tốt; không có tính ngủ nghỉ.

2.4. GIỐNG LẠC L27 (L19)

TGST: 125 ngày (ở vụ Xuân) và 95 ngày (ở vụ Đông).

Thuộc dạng thân đứng, tán gọn, lá xanh, sinh trưởng khỏe, số quả chắc/cây nhiều (13 - 16,0 quả), ra hoa kết quả tập trung; khối lượng 100 quả 145 - 152 g, khối lượng 100 hạt 50 - 55 g, tỷ lệ nhân: 70 - 73%, eo quả trung bình, gân quả rõ trung bình, vỏ lụa hạt màu hồng cánh sen.

Năng suất cao, từ 32 - 45,4 tạ/ha tùy vụ. Đặc biệt hàm lượng dầu cao (53%); kích cỡ hạt lớn.

Giống L27 có thể gieo trồng trên nhiều chân đất khác nhau và trồng được trong cả vụ Xuân và vụ Thu Đông.



Hình 13. Giống lạc L19

Chịu thâm canh, chống đổ tốt, nhiễm trung bình với bệnh đốm lá (gỉ sắt, đốm đen, đốm nâu), kháng bệnh héo xanh vi khuẩn khá hơn so với giống L14.

2.5. GIỐNG LẠC L18

TGST: 120 - 130 ngày ở vụ Xuân, 100 - 105 ngày trong vụ Thu Đông.

Thuộc dạng thân cứng, thấp cây, tán gọn, chống đổ tốt, lá có màu xanh đậm. Quả to, eo trung bình, gân rõ, vỏ lụa màu hồng. Khối lượng 100 quả: 168 - 178 gam, khối lượng 100 hạt: 60 - 65 gam, tỷ lệ nhân: 69 - 71%.

Tiềm năng năng suất quả 50 - 70 tạ/ha, là giống yêu cầu thâm canh cao, nên trồng ở các chân đất màu mỡ có khả năng tưới tiêu chủ động. Nhược điểm là vỏ dày.

Có khả năng kháng sâu cao, kháng bệnh hại lá (đốm nâu, đốm đen, gỉ sắt) và kháng bệnh héo xanh vi khuẩn trung bình.

2.6. GIỐNG LẠC MD7

TGST: 120 ngày ở vụ Xuân và 95 - 100 ngày vụ Hè hoặc vụ Hè Thu.

Dạng cây đứng, sinh trưởng khỏe. Eo quả trung bình, mỏ quả trung bình. Mỗi cây có trung bình 13 quả chắc. Khối lượng 100 hạt là 51 gam. Tỷ lệ nhân/quả là 70,3%, vỏ hạt màu hồng cánh sen.



Hình 14. Giống lạc MD7

Năng suất giống thích hợp gieo trồng ở các tỉnh phía Bắc và yêu cầu thâm canh cao đạt trung bình 35 tạ/ha.

Nhiễm trung bình với bệnh đốm nâu. Chịu hạn khá, chịu đất ướt tốt.

2.7. GIỐNG LẠC MD9

TGST: Vụ Thu Đông 108 - 110 ngày, vụ Xuân 125 - 130 ngày.

Thân có màu xanh, lá xanh đậm, chiều cao trung bình 35 - 40 cm, cứng cây, chống đổ tốt; eo quả nông, vỏ quả hơi dày, vỏ hạt màu hồng nhạt dễ chuyển màu. Tỷ lệ nhân 70,1%, khối lượng 100 quả 144,3 gam; khối lượng 100 hạt 55 g.

Năng suất thích hợp cho vùng thâm canh, thích ứng cho vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ vụ Thu Đông 20 - 34 tạ/ha; vụ Xuân 30 - 40 tạ/ha.

Kháng bệnh gỉ sắt, đốm đen, đốm nâu, bệnh thối quả và sâu chích hút tốt. Nhiễm trung bình đối với bệnh héo xanh vi khuẩn. Dễ tính, chống chịu điều kiện bất thuận khá.

2.8. GIỐNG LẠC TK10

TGST: 122 - 125 ngày (vụ Xuân), 92-96 ngày (vụ Hè Thu) và 108-110 ngày (vụ Thu Đông).

Cây sinh trưởng khỏe, phát triển nhanh, thân đứng, cứng cây, chống đổ tốt. Số lượng quả chắc trung bình 11 - 14 quả/cây. Vỏ quả mỏng, eo nông; khối lượng 100 quả đạt 149,4 g; khối lượng 100 hạt đạt 62,4 g; tỷ lệ nhân đạt 75,1 - 80%; hạt màu hồng nhạt, hình trụ, không nứt vỏ lụa, chất lượng tốt, độ đồng đều cao.

Năng suất có thể trồng được trên đất đồi, đất cát, đất cát ven biển, rất thích hợp với các chân đất cát pha, đất thịt nhẹ, chịu thâm canh trung bình 39,4 tạ/ha.

Chống chịu trung bình với các bệnh đốm đen và một số côn trùng chích hút, kháng bệnh héo xanh vi khuẩn.

2.9. GIỐNG LẠC SEN THẮT NGHỆ AN

TGST: khoảng 110 - 115 ngày vụ Xuân và 95 - 100 ngày vụ Thu Đông.

Dạng cây nửa bò, bản lá rộng, sinh trưởng khỏe; tỷ lệ nhân cao, cỡ hạt trung bình 50 - 55 g/100 hạt, vỏ lụa màu cánh xen, không nứt vỏ lụa.

Năng suất bình quân 30 - 35 tạ/ha.

Chịu hạn khá.

2.10. GIỐNG LẠC GV10

TGST: 94 - 97 ngày trong vụ Đông Xuân; 90 - 94 ngày trong vụ Hè Thu và Thu Đông.

Dạng cây đứng, lá hình trứng thon màu xanh đậm, gân quả rõ. Đặc điểm nổi bật của giống lạc GV10 là có hạt to, đều; khối lượng 100 hạt 44 - 46 gam, khối lượng 100 quả đạt 116 - 135 gam. Vỏ lụa màu trắng hồng, căng, đều đẹp, tỷ lệ nhân 68 - 69 %.

Năng suất đạt 2,0 - 2,5 tấn/ha vụ Hè Thu và Thu Đông, 2,5 - 3,5 tấn/ha vụ Đông Xuân và Xuân Hè. Thích hợp trên chân đất thịt nhẹ, tơi xốp; riêng đất cát pha có thể thâm canh.

Chống chịu với bệnh đốm lá, bệnh gỉ sắt và bệnh héo xanh vi khuẩn ở mức trung bình.

2.11. GIỐNG LẠC HL25

TGST: 90 - 95 ngày

Cao cây: 50 - 60 cm, thuộc nhóm Spanish. Số cành cấp 1: 4 - 5 cành. Tổng số quả/ cây: 25 - 35 quả; tỷ lệ quả 3 hạt: 60 - 65%. Khối lượng 100 hạt: 40 - 45 g. Vỏ quả có gân, mỏ quả thẳng cong, màu hạt trắng hồng. Tỷ lệ nhân 70 - 72%.

Năng suất đạt 2,0 - 2,5 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông; 2,5 - 3,5 tấn/ha trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè.

Thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

2.12. GIỐNG LẠC LDH.01

TGST: 86 - 96 ngày tùy theo thời vụ và sinh thái.

Dạng cây thuộc loại hình nửa đứng, lá màu xanh nhạt, eo quả trung bình, vỏ gân quả không rõ ràng, vỏ quả mỏng. Kích cỡ hạt trung bình (khối lượng 100 hạt bình quân 56,8 gam), tỷ lệ nhân/quả cao (bình quân 76,5%). Khối lượng 100 quả 142 - 148 gam; tỷ lệ quả 3 hạt chiếm trên 40%.

Năng suất trung bình đạt 3,5 - 4,0 tấn/ha.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
I. KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LẠC	5
1.1. Chọn đất và chuẩn bị đất	6
1.2. Thời vụ	7
1.3. Mật độ gieo	8
1.4. Cách gieo	8
1.5. Bón phân	9
1.6. Chăm sóc	10
1.7. Phòng trừ sâu, bệnh hại chính	12
1.8. Thu hoạch và bảo quản	19
II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG LẠC HIỆN ĐANG TRỒNG PHỔ BIẾN TẠI VIỆT NAM	21
2.1. GIỐNG LẠC L14	22
2.2. Giống lạc L23	22
2.3. Giống lạc L26	23
2.4. Giống lạc L27 (L19)	23
2.5. Giống lạc L18	24
2.6. Giống lạc MD7	24
2.7. Giống lạc MD9	25
2.8. Giống lạc TK10	25
2.9. Giống lạc Sen thắt Nghệ An	26
2.10. Giống lạc GV10	26
2.11. Giống lạc HL25	27
2.12. Giống lạc LDH.01	27

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LẠC



In 1.000 bản khổ 14,5 x 20,5 tại Công ty TNHH Thiên Ấn

Địa chỉ: Số 211, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Giấy phép xuất bản số 30A/GP-CXBIPH do Cục Xuất bản, In và Phát hành
cấp ngày 08/12/2017

ISBN: 978-604-9803-07-9

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2017.

Xuất bản phẩm không bán.

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LẠC



Giống lạc L28



Giống lạc HL25

